

Số: 81/2003/QĐ-UB

Tuyên Quang, ngày 14 tháng 6 năm 2003

**QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG  
Về việc ban hành Quy định tạm thời suất đầu tư trồng, chăm sóc rừng  
nguyên liệu giấy bằng cây giống Keo lai giâm hom (mật độ 4.444 cây/ha)  
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi) ngày 21 tháng 6 năm 1994;
- Căn cứ Quyết định số 532/NKT ngày 15/7/1988 của Bộ Lâm nghiệp về việc Ban hành tạm thời mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng;
- Căn cứ Quyết định số 278/QĐ-UB ngày 11/5/1995 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc Ban hành quy định tạm thời các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật áp dụng cho trồng và chăm sóc rừng của các dự án trên địa bàn toàn tỉnh; Quyết định số 155/QĐ-CT ngày 28/3/2003 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định tạm thời về Cơ chế liên doanh trồng rừng nguyên liệu giấy giữa Lâm trường, Ban quản lý dự án trồng rừng và hộ gia đình, đơn vị;
- Thực hiện Kết luận số 40-KL/TU ngày 04/3/2003 Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy kỳ họp 32; Kết luận số 41-KL/TU ngày 16/3/2003 Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy kỳ họp 33;
- Xét đề nghị của liên ngành Sở Tài chính - Vật giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tại Tờ trình số 483/TTr-LN ngày 24/4/2003,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Quy định tạm thời suất đầu tư trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng nguyên liệu giấy bằng cây giống Keo lai giâm hom, mật độ trồng 4.444 cây/ha, chu kỳ kinh doanh 06 năm *theo phương thức liên doanh giữa Lâm trường, Ban quản lý dự án trồng rừng với hộ gia đình, đơn vị* trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, như sau:

1. Trồng, chăm sóc rừng trong điều kiện đất nhóm 2, thực bì nhóm 2, cự ly đi làm từ 2 đến 3 km, **độ dốc trên 30°**:

- Suất đầu tư trồng rừng: 9.255.159,đ/ha
- Chăm sóc năm thứ nhất: 2.166.121,đ/ha
- Chăm sóc năm thứ hai: 2.961.063,đ/ha
- Quản lý, bảo vệ từ năm thứ 3 đến năm thứ 6: 240.000,đ/ha

**Tổng suất đầu tư: 14.622.343,đ/ha**

2. Trồng, chăm sóc rừng trong điều kiện đất nhóm 2, thực bì nhóm 2, cự ly đi làm từ 2 đến 3 km, **độ dốc trên 30°**:

- Suất đầu tư trồng rừng: 8.584.554,đ/ha
- Chăm sóc năm thứ nhất: 1.944.870,đ/ha
- Chăm sóc năm thứ hai: 2.845.254,đ/ha
- Quản lý, bảo vệ từ năm thứ 3 đến năm thứ 6: 240.000,đ/ha

**Tổng suất đầu tư: 13.614.678,đ/ha**

**Điều 2.** Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật được quy định trong suất đầu tư trồng, chăm sóc rừng nêu tại Điều 1 Quyết định này được áp dụng để lập thiết kế, dự toán, thanh toán, quyết toán đối với các công trình trồng, chăm sóc rừng nguyên liệu giấy bằng cây giống Keo lai giâm hom, mật độ trồng 4.444 cây/ha, chu kỳ kinh doanh 06 năm theo phương thức liên doanh giữa Lâm trường, Ban quản lý dự án trồng rừng với hộ gia đình, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Giao trách nhiệm cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính - Vật giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn, tập huấn và thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính - Vật giá, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Tuyên Quang, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; Giám đốc các Lâm trường, Dự án trồng rừng trên địa bàn

tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 04/2003/QĐ-UB ngày 06/01/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
(Đã ký)**

**Lê Thị Quang**

Congbao.tuyenquang.gov.vn